

Số: /GPMT-TNMT

Phú Thọ, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần 1)

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Thọ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, cấp giấy phép môi trường;

Căn cứ giấy phép môi trường số 13/GPMT-TNMT ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Sinkwang Vina.

Xét Văn bản số 1206/CV-SWVN ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Công ty TNHH Sinkwang Vina về việc đề nghị điều chỉnh Giấy phép môi trường số của dự án “Nhà máy Sinkwang Vina”;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 13/GPMT-TNMT ngày 15/11/2022 cấp cho Công ty TNHH Sinkwang Vina, có địa chỉ trụ sở chính tại lô 27, Cụm công nghiệp Sóc Đăng, xã Sóc Đăng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ được thực hiện dự án “Nhà máy sản xuất, gia công, kinh doanh các loại túi bao bì, vải bạt và các loại dây từ PP, PE, PVC” tại lô 27, Cụm công nghiệp Sóc Đăng, xã Sóc Đăng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép điều chỉnh này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 13/GPMT-TNMT ngày 15/11/2022.

Điều 2. Công ty TNHH Sinkwang Vina tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 13/GPMT-TNMT ngày 15/11/2022 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép môi trường điều chỉnh này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 13/GPMT-TNMT ngày 15/11/2022 hết hiệu lực./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- GD, PGD Sở (Ô Thọ);
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Công ty TNHH Sinkwang Vina;
- UBND huyện Đoan Hùng;
- Công ty cổ phần Vertexco Sóc Đăng;
- Chi cục BVMT;
- Trung tâm Kỹ thuật, CNTN và MT (đăng tải);
- Lưu: VT (Vân-5b).

Phạm Văn Quang

PHỤ LỤC
NỘI DUNG GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh số /GPMT-TNMT ngày tháng
năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ)

I. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số 13/GPMT-TNMT ngày 15/11/2022), cụ thể:

Điều chỉnh nội dung tại tiết 2.1 mục 2 phần B:

“01 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép điều chỉnh”.

II. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải (Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường số 13/GPMT-TNMT ngày 15/11/2022), cụ thể:

1. Điều chỉnh nội dung tại phần A:

“1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ máy in.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy cắt nhiệt.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

01 dòng khí thải tương ứng với ống khói của hệ thống xử lý khí thải chung máy in và máy cắt nhiệt.

2.1. *Vị trí xả khí thải:* Ống khói của hệ thống xử lý khí thải chung máy in và máy cắt nhiệt; Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 2390158; Y: 544915 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°).

2.2. *Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:* 7.500 m³/h.

2.3. *Phương thức xả khí thải:* Xả liên tục 24/24 giờ trong quá trình sản xuất.

2.4. *Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí:* phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_v = 1,2 và K_p = 1) và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ. Khuyến khích chủ dự án thực hiện quan trắc khí thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý khí thải, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (C _{max})		Tần suất quan trắc định kỳ (Chủ dự án đề xuất)
			QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT	
2	CO	mg/Nm ³	1.200	-	

3	NO ₂	mg/Nm ³	1.020	-	01 lần/năm
4	SO ₂	mg/Nm ³	600	-	
5	Toluen	mg/Nm ³	-	750	
6	Benzen	mg/Nm ³		5	

2. Điều chỉnh nội dung tại phần B:

“1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Khí thải phát sinh từ 05 máy cắt nhiệt được thu gom bằng 05 chụp hút, sau đó theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý khí thải chung để xử lý.

- Khí thải phát sinh từ 01 máy in được thu gom bằng 01 chụp hút, sau đó theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý khí thải chung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Các công trình xử lý khí thải:

+ 05 chụp hút thu gom khí thải công đoạn cắt nhiệt (Chất liệu inox 204, trong đó: 02 chụp hút kích thước 2,8 x 2,4 x 0,7m thu gom hơi khí thải từ máy cắt thân và máy cắt đáy, cắt miệng; 03 chụp hút kích thước 0,7 x 0,7 x 0,7m thu gom khí thải từ máy cắt đai và cắt chạc).

+ 01 chụp hút thu gom khí thải công đoạn in (Chất liệu inox 204, kích thước 3,1 x 1,8 x 0,7m).

+ Hệ thống đường ống thu gom khí thải (Chất liệu tôn mạ kẽm, tổng chiều dài 56 m, đường kính ống nhánh 0,2m, đường kính ống chính 0,3m).

+ 01 hệ thống hấp phụ than hoạt tính (kích thước buồng chứa 2,0 x 1,2 x 0,5m; 02 lớp tấm lọc thô dày 100mm; 02 lớp than hoạt tính dày 365mm).

+ 01 buồng lọc bụi (kích thước 2,0 x 1,4 x 1,0m; 06 ống lọc bụi, kích thước mỗi ống 0,2 x 0,125m).

+ 01 quạt hút (công suất 7.500m³/h).

+ 01 ống khói (cao 2,0m, đường kính 0,3m).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn → Hệ thống hấp phụ than hoạt tính → Buồng lọc bụi → Quạt hút → Ống khói.

- Công suất: 7.500 m³/h.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Định kỳ hàng năm tiến hành bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.

- Khi có sự cố, dừng hoạt động sản xuất, kiểm tra hệ thống xử lý khí thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

01 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép điều chỉnh.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

01 hệ thống xử lý khí thải chung máy in và máy cắt nhiệt.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu:

Trên thân ống khói sau hệ thống xử lý khí thải chung máy in và máy cắt nhiệt.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Ống khói phải có điểm (cửa) lấy mẫu khí thải, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2021/TT-

BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

3.5. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình sản xuất, xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường”.

III. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo.

1. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép môi trường số 13/GPMT-TNMT ngày 15/11/2022.

2. Thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này và tiếp tục thực hiện các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 13/GPMT-TNMT ngày 15/11/2022.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định của chính quyền địa phương và các quy định của pháp luật khác có liên quan./.